

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-02-2026.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
- Ông Nguyễn Phú Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Kim H, sinh ngày 24-8-2002; căn cước công dân số: 072302004482, cấp ngày 12-8-2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về trật tự xã hội; cư trú tại: ấp T, xã Đ, tỉnh N; vắng mặt.

Bị đơn: anh Dương Thành Đ, sinh ngày 19-4-1994; căn cước công dân số: 024094003388, cấp ngày 17-02-2023, nơi cấp: Cục CS QLHC về trật tự xã hội; cư trú tại: ấp Đ, xã L, tỉnh N; hiện đang chấp hành án tại Trại giam C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Dương Thành Đ chung sống với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh N (nay là UBND xã Đ, tỉnh N) vào ngày 17-02-2023, hôn nhân tự nguyện. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường gây gổ cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 5-2023 anh Đ bị bắt tạm giam và bị Tòa án xét xử mức án tù chung thân về tội danh Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung tên Dương Nghi Đ1, sinh ngày 06-01-2023, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đ1, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 01 năm 2026, bị đơn anh Dương Thành Đ trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian vợ chồng chung sống, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian anh và chị H chung sống với nhau thì không có mâu thuẫn gì, nhưng do từ tháng 5-2023 anh bị bắt tạm giam và hiện nay đang phải chấp hành án tù chung thân về tội phạm ma túy, không thể tiếp tục chung sống cùng chị H được nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung tên Dương Nghi Đ1, sinh ngày 06-01-2023, hiện đang sống chung với chị H. Anh đồng ý giao cháu Đ1 cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Chị H và anh Đ có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.*

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H đối với anh Dương Thành Đ. Chị H được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Nghi Đ1, sinh ngày 06-01-2023. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí sơ thẩm: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị H và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh Đ.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đ có địa chỉ cư trú tại: ấp Đ, xã L, tỉnh N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị H và anh Đ chung sống với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh N, Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 17-02-2023 (bút lục số 02). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia Đ1, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H thấy rằng, anh Đ thừa nhận từ tháng 5-2023 anh bị bắt tạm giam và hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù chung thân về tội phạm ma túy, nên anh và chị H không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đồng ý ly hôn với chị H. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia Đ1, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Nghi Đ1, sinh ngày 06-01-2023, thấy rằng hiện nay cháu Đ1 dưới 36 tháng tuổi, đang sinh sống ổn định với chị H và anh Đ cũng đồng ý giao cháu Đ1 cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia Đ1, Hội đồng xét xử giao cháu Đ1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Đ1.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia Đ1; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H đối với anh Dương Thành Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Kim H được ly hôn với anh Dương Thành Đ.

- Về nuôi con chung: giao chị Phạm Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Dương Nghi Đ1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2023. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Dương Thành Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị H cùng các thành viên trong gia Đ1 không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị Phạm Thị Kim H và anh Dương Thành Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007100 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị H và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- UBND xã Tân Đông (Giấy CNKH số 16, ngày 17-02-2023);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

